

**CÔNG TY TNHH TMDV HIỀN ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV HIỀN ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HIEN ANH TMDV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110624000

**3. Ngày thành lập:** 06/02/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5, ngách 31/2, đường Long Biên, tổ 27, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975911591

Fax:

Email: ctyhienanh24@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                   | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                          | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                          | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                     | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                           | 4610     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                      | 4632     |
| 7.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                        | 4633     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                    | 4641     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ) (trừ kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế)   | 4649     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ bán buôn vàng miếng và các loại nhà nước cấm)                               | 4662     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                 | 4663     |
| 12. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                            | 4690     |
| 13. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 14. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                          | 4723     |
| 15. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu<br>động hoặc tại chợ                                     | 4781     |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ<br>vận tải bằng xe buýt)                                  | 4931     |

|     |                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932(Chính) |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                    | 4933        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                 | 5225        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển, Logistics; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Đại lý bán vé                              | 5229        |
| 21. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                               | 5510        |
| 22. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                        | 5610        |
| 23. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                | 5621        |
| 24. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                    | 5629        |
| 25. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                 | 5630        |
| 26. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                       | 4101        |
| 27. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                 | 4102        |
| 28. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                            | 4212        |
| 29. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                | 4221        |
| 30. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                     | 4222        |
| 31. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                      | 4223        |
| 32. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                       | 4229        |
| 33. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                | 4291        |
| 34. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                         | 4292        |
| 35. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                   | 4293        |
| 36. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                              | 4299        |
| 37. | Phá dỡ<br>(Trừ hoạt động dò, phá bom mìn)                                                                                                                                                               | 4311        |
| 38. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ hoạt động dò, phá bom mìn)                                                                                                                                                    | 4312        |
| 39. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                   | 4321        |
| 40. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4751        |
| 41. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                    | 4752        |
| 42. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4753        |
| 43. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                 | 4759        |

|     |                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 44. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Có nội dung được phép lưu hành)                                                                                                         | 4761 |
| 45. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội) | 4764 |
| 46. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                     | 4771 |
| 47. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế)                                                                                          | 4772 |
| 48. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                          | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM THÚY HIỀN      Giới tính: Nữ  
Sinh ngày: 05/12/2002      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001302028200  
Ngày cấp: 22/11/2021      Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TT Cầu 16, Liên Gia 4, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 5, ngách 31/2, đường Long Biên, tổ 27, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM THÚY HIỀN                                  Giới tính: Nữ  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 05/12/2002              Dân tộc: Kinh              Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001302028200  
Ngày cấp: 22/11/2021              Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TT Cầu 16, Liên Gia 4, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 5, ngách 31/2, đường Long Biên, tổ 27, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội